

**THÔNG BÁO**

**Kết quả kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn tại vòng 1 và danh sách thí sinh  
đủ điều kiện xét tuyển vòng 2 của kỳ tuyển dụng viên chức  
Trường Đại học Quy Nhơn năm 2022**

Căn cứ Kế hoạch số 1643/KH-ĐHQN ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về việc tuyển dụng viên chức Trường Đại học Quy Nhơn năm 2022;

Căn cứ kết quả kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển của các ứng viên dự xét tuyển viên chức Trường Đại học Quy Nhơn năm 2022 của Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức;

Căn cứ Kết luận cuộc họp ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Quy Nhơn,

Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Quy Nhơn thông báo kết quả kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn tại vòng 1 và danh sách thí sinh đủ điều kiện xét tuyển vòng 2 của kỳ tuyển dụng viên chức Trường Đại học Quy Nhơn năm 2022 (có danh sách đính kèm theo).

Trân trọng./. *uv*

**Nơi nhận:**

- HĐTD viên chức;
- Các đơn vị liên quan;
- Website Trường;
- Các ứng viên đăng ký dự tuyển;
- Lưu: VT, TCNS.

**CT. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**



**Hiệu trưởng**  
**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
**HỆ THỐNG VIÊN CHỨC NĂM 2022**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH KẾT QUẢ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN TẠI VÒNG 1**  
**KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN NĂM 2022**  
(Kèm theo Thông báo số: 1955/TB-HĐTĐVC ngày 28 tháng 10 năm 2022)

| STT | Mã dự tuyển | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                     | Kết quả kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
| 1   | GV4         | Võ Thị Ánh            | 01/02/1990 | Nữ        | Giảng viên<br>Ngành Giáo dục thể chất                               | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 2   | GV4         | Cao Đức Lập           | 30/12/1999 | Nam       | Giảng viên<br>Ngành Giáo dục thể chất                               | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 3   | GV4         | Phạm Duy Phú          | 28/6/1999  | Nam       | Giảng viên<br>Ngành Giáo dục thể chất                               | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 4   | GV7         | Phùng Lâm Oanh        | 08/01/2000 | Nữ        | Giảng viên chuyên ngành<br>Ngôn ngữ Hàn Quốc                        | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 5   | GV8         | Nguyễn Thị Nhu Thương | 01/6/1998  | Nữ        | Giảng viên chuyên ngành<br>Hàn Quốc học                             | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 6   | GV8         | Phan Thị Như Phụng    | 25/7/1989  | Nữ        | Giảng viên chuyên ngành<br>Hàn Quốc học                             | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 7   | GV12        | Trần Ngọc Tuyền       | 06/8/2000  | Nữ        | Giảng viên chuyên ngành<br>Ngôn ngữ Anh                             | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 8   | GV13        | Trần Thị Dung         | 13/10/1991 | Nữ        | Giảng viên chuyên ngành<br>Ngôn ngữ Trung Quốc                      | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 9   | GV15        | Nguyễn Thành Quý      | 13/12/2000 | Nam       | Giảng viên chuyên ngành<br>Giáo dục Quốc phòng và An ninh           | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 10  | CV1         | Nguyễn Tấn Quỳnh      | 10/12/1993 | Nam       | Kỹ sư Phòng thí nghiệm Kỹ thuật xây dựng Khoa Kỹ thuật và Công nghệ | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ và tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                            | Kết quả kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
| 11  | CV2         | Lê Anh Tuấn            | 07/10/1996 | Nam       | Chuyên viên Công nghệ thông tin Phòng Hành chính - Tổng hợp                | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 12  | CV4         | Đặng Thiên Thanh       | 28/10/1999 | Nữ        | Chuyên viên Bảo đảm chất lượng Phòng Khảo thí & Bảo đảm chất lượng         | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 13  | CV5         | Võ Nguyễn Quỳnh Giao   | 05/12/1999 | Nữ        | Chuyên viên Khoa học công nghệ Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 14  | CV7         | Lê Hoàng               | 08/3/1999  | Nam       | Chuyên viên pháp chế Phòng Thanh tra - Pháp chế                            | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 15  | CV7         | Hồ Hồng Hòa            | 16/8/1996  | Nữ        | Chuyên viên pháp chế Phòng Thanh tra - Pháp chế                            | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 16  | CV7         | Đặng Thị Hồng Khương   | 06/8/1994  | Nữ        | Chuyên viên pháp chế Phòng Thanh tra - Pháp chế                            | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 17  | CV7         | Nguyễn Thị Bích Phượng | 25/10/1998 | Nữ        | Chuyên viên pháp chế Phòng Thanh tra - Pháp chế                            | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 18  | CV7         | Đặng Thị Mai Thi       | 27/3/1999  | Nữ        | Chuyên viên pháp chế Phòng Thanh tra - Pháp chế                            | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 19  | CV7         | Lê Thị Bích Trâm       | 26/02/1997 | Nữ        | Chuyên viên pháp chế Phòng Thanh tra - Pháp chế                            | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 20  | CV7         | Lê Đức Tài             | 17/5/2001  | Nam       | Chuyên viên pháp chế Phòng Thanh tra - Pháp chế                            | Không đủ điều kiện, tiêu chuẩn          |         |



| STT | Mã dự tuyển | Họ và tên           | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Kết quả kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển | Ghi chú |
|-----|-------------|---------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
| 21  | CV8         | Lê Thị Minh Hiền    | 09/8/1997  | Nữ        | Chuyên viên Truyền thông Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông         | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 22  | CV8         | Huỳnh Thị Hằng Ny   | 01/6/1992  | Nữ        | Chuyên viên Truyền thông Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông         | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 23  | CV9         | Trần Thị Minh Thuận | 15/02/1996 | Nữ        | Chuyên viên Công nghệ thông tin Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông  | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 24  | CV11        | Lê Văn Lợi          | 28/7/1999  | Nam       | Chuyên viên Ban đào tạo Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh               | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 25  | CV12        | Trần Phan Thùy Dung | 21/8/1996  | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 26  | CV12        | Phạm Thị Điệp       | 22/02/1991 | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 27  | CV12        | Nguyễn Văn Lợi      | 03/9/1985  | Nam       | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Kết quả kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
| 28  | CV12        | Lê Hải Ngân           | 29/6/1988  | Nam       | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 29  | CV12        | Tô Thị Bích Ngọc      | 19/5/1998  | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 30  | CV12        | Nguyễn Thị Hoàng Oanh | 11/11/1987 | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 31  | CV12        | Võ Thị Bích Phượng    | 20/7/1983  | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 32  | CV12        | Phạm Thị Minh Tuyền   | 12/12/1992 | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 33  | CV12        | Nguyễn Thị Hồng Vân   | 20/11/1992 | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |
| 34  | CV12        | Nguyễn Thị Ngọc Vân   | 03/4/2000  | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn                |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ và tên        | Ngày sinh | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                               | Kết quả kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
| 35  | CV12        | Nguyễn Thị Như Ý | 01/6/1998 | Nữ        | Chuyên viên<br>Ban hành chính -<br>Tổng hợp Trung<br>tâm Giáo dục<br>Quốc phòng và<br>An Ninh | Đủ điều<br>kiện, tiêu<br>chuẩn          |         |

(Danh sách gồm 35 người) *tw*

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÒNG 2**  
**KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN NĂM 2022**  
(Kèm theo Thông báo số: 1955/TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022)

| STT | Mã dự tuyển | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                     | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|---------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | GV4         | Võ Thị Ánh            | 01/02/1990 | Nữ        | Giảng viên Ngành Giáo dục thể chất                                  |         |
| 2   | GV4         | Cao Đức Lập           | 30/12/1999 | Nam       | Giảng viên Ngành Giáo dục thể chất                                  |         |
| 3   | GV4         | Phạm Duy Phú          | 28/6/1999  | Nam       | Giảng viên Ngành Giáo dục thể chất                                  |         |
| 4   | GV7         | Phùng Lâm Oanh        | 08/01/2000 | Nữ        | Giảng viên chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc                           |         |
| 5   | GV8         | Nguyễn Thị Nhu Thường | 01/6/1998  | Nữ        | Giảng viên chuyên ngành Hàn Quốc học                                |         |
| 6   | GV8         | Phan Thị Như Phượng   | 25/7/1989  | Nữ        | Giảng viên chuyên ngành Hàn Quốc học                                |         |
| 7   | GV12        | Trần Ngọc Tuyền       | 06/8/2000  | Nữ        | Giảng viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh                                |         |
| 8   | GV13        | Trần Thị Dung         | 13/10/1991 | Nữ        | Giảng viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc                         |         |
| 9   | GV15        | Nguyễn Thành Quý      | 13/12/2000 | Nam       | Giảng viên chuyên ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh              |         |
| 10  | CV1         | Nguyễn Tấn Quỳnh      | 10/12/1993 | Nam       | Kỹ sư Phòng thí nghiệm Kỹ thuật xây dựng Khoa Kỹ thuật và Công nghệ |         |
| 11  | CV2         | Lê Anh Tuấn           | 07/10/1996 | Nam       | Chuyên viên Công nghệ thông tin Phòng Hành chính - Tổng hợp         |         |



| STT | Mã dự tuyển | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                               | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 12  | CV4         | Đặng Thiên Thanh      | 28/10/1999 | Nữ        | Chuyên viên Bảo đảm chất lượng Phòng Khảo thí & Bảo đảm chất lượng            |         |
| 13  | CV5         | Võ Nguyễn Quỳnh Giao  | 05/12/1999 | Nữ        | Chuyên viên Khoa học công nghệ Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế    |         |
| 14  | CV7         | Lê Hoàng              | 08/3/1999  | Nam       | Chuyên viên pháp chế Phòng Thanh tra - Pháp chế                               |         |
| 15  | CV7         | Hồ Hồng Hòa           | 16/8/1996  | Nữ        | Chuyên viên pháp chế Phòng Thanh tra - Pháp chế                               |         |
| 16  | CV7         | Đặng Thị Hồng Khương  | 06/8/1994  | Nữ        | Chuyên viên pháp chế Phòng Thanh tra - Pháp chế                               |         |
| 17  | CV7         | Nguyễn Thị Bích Phụng | 25/10/1998 | Nữ        | Chuyên viên pháp chế Phòng Thanh tra - Pháp chế                               |         |
| 18  | CV7         | Đặng Thị Mai Thi      | 27/3/1999  | Nữ        | Chuyên viên pháp chế Phòng Thanh tra - Pháp chế                               |         |
| 19  | CV7         | Lê Thị Bích Trâm      | 26/02/1997 | Nữ        | Chuyên viên pháp chế Phòng Thanh tra - Pháp chế                               |         |
| 20  | CV8         | Lê Thị Minh Hiền      | 09/8/1997  | Nữ        | Chuyên viên Truyền thông Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông        |         |
| 21  | CV8         | Huỳnh Thị Hằng Ny     | 01/6/1992  | Nữ        | Chuyên viên Truyền thông Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông        |         |
| 22  | CV9         | Trần Thị Minh Thuận   | 15/02/1996 | Nữ        | Chuyên viên Công nghệ thông tin Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông |         |



| STT | Mã dự tuyển | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 23  | CV11        | Lê Văn Lợi            | 28/7/1999  | Nam       | Chuyên viên Ban đào tạo Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh               |         |
| 24  | CV12        | Trần Phan Thùy Dung   | 21/8/1996  | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh |         |
| 25  | CV12        | Phạm Thị Điệp         | 22/02/1991 | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh |         |
| 26  | CV12        | Nguyễn Văn Lợi        | 03/9/1985  | Nam       | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh |         |
| 27  | CV12        | Lê Hải Ngân           | 29/6/1988  | Nam       | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh |         |
| 28  | CV12        | Tô Thị Bích Ngọc      | 19/5/1998  | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh |         |
| 29  | CV12        | Nguyễn Thị Hoàng Oanh | 11/11/1987 | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh |         |
| 30  | CV12        | Võ Thị Bích Phượng    | 20/7/1983  | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh |         |
| 31  | CV12        | Phạm Thị Minh Tuyền   | 12/12/1992 | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh |         |

| STT | Mã dự tuyển | Họ và tên           | Ngày sinh  | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                                | Ghi chú |
|-----|-------------|---------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 32  | CV12        | Nguyễn Thị Hồng Vân | 20/11/1992 | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh |         |
| 33  | CV12        | Nguyễn Thị Ngọc Vân | 03/4/2000  | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh |         |
| 34  | CV12        | Nguyễn Thị Như Ý    | 01/6/1998  | Nữ        | Chuyên viên Ban hành chính - Tổng hợp Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh |         |

(Danh sách gồm 34 người) *uv*